TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-12-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Quế
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Tấn Lộc
2. Bà Nguyễn Hằng Ny

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Phượng Kiều, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 543/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Yến N, sinh ngày 16/11/2000 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1996 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện Th, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Các đương sự thống nhất trình bày:*

Về hôn nhân: Chị N và anh L chung sống với nhau từ ngày 10/10/2017, có tổ chức đám cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh Nều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và anh L không chăm lo cho gia đình. Hai người sống ly thân từ ngày 11/10/2018. Nay chị N yêu cầu ly hôn được anh L đồng ý.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Võ Ngọc H (giới tính: Nữ), sinh ngày 04/10/2018 hiện do chị N nuôi dạy. Khi ly hôn, chị N và anh L thống nhất để chị N tiếp tục được nuôi con. Chị N yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, nhưng anh L không đồng ý. Anh L cho rằng trường hợp chị N không có điều kiện nuôi con thì giao con cho anh L nuôi.

Về nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: 02 người có tài sản chung hiện do anh L quản lý, gồm: 10 chỉ vàng 24k; 6,5 chỉ vàng 18K và 1.500.000 đồng. Khi ly hôn, chị N và anh L thỏa

thuận, anh L đồng ý giao cho chị N quản lý và sở hữu 05 chỉ vàng 24K; 6,5 chỉ vàng 18K và 1.500.000 đồng. Anh L quản lý và sở hữu 05 chỉ vàng 24K.

* *Tại phiên tòa hôm nay:* Chị N xác định thời điểm yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị N và anh L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ hôn nhân giữa các đương sự.

[2] Các đương sự có 01 người con chung chưa đủ 36 tháng tuổi hiện do chị N nuôi dạy. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con được anh L đồng ý.

[3] Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Chị N có yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Yêu cầu này không được anh L đồng ý. Tuy nhiên, theo khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị N, buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng hàng tháng bằng ½ tháng lương tối thiểu hiện hành là 695.000 đồng (sáu trăm năm mươi ngàn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[5] Công nhận tài sản chung của chị N và anh L có các tài sản gồm: 10 chỉ vàng 24K, 1.500.000 đồng và 6,5 chỉ vàng 18K. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc thống nhất chia tài sản như sau: Chị N quản lý và sở hữu 05 chỉ vàng 24K, 1.500.000 đồng và 6,5 chỉ vàng 18K; anh L quản lý và sở hữu 05 chỉ vàng 24K. Anh L đang quản lý các tài sản này nên có trách nhệm giao cho chị N 05 chỉ vàng 24K, 1.500.000 đồng và 6,5 chỉ vàng 18K.

[6] Trường hợp chậm thanh toán các khoản tiền nói trên, anh L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định.

[7] Các đương sự không có nợ chung nên không xem xét.

[8] Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm

[9] Anh L phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

[10] Chị N và anh L phải chịu án phí chia tài sản. Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về chia tài sản chung trước khi mở phiên tòa, nên chỉ phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền được chia (giá vàng 24K được xác định là 3.620.000 đồng/chỉ; giá vàng 18K được xác định là 2.870.000 đồng/chỉ). Phần chị N nộp tạm ứng án phí được khấu trừ.

[11] Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa, nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không công nhận chị Võ Yến N và anh Nguyễn Văn L là vợ chồng.

2. Chị N được quyền tiếp tục nuôi 01 người con chung tên Võ Ngọc H, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2018 (giới tính: Nữ).

3. Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

4. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi người con chung với mức cấp dưỡng hàng tháng bằng ½ tháng lương tối thiểu hiện hành là 695.000 đồng (sáu trăm chín mươi lăm ngàn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Công nhận tài sản chung của chị N và anh L gồm 10 chỉ vàng 24K (mười chỉ vàng 24K), 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) và 6,5 chỉ vàng 18K (sáu chỉ năm phân vàng 18K). Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc thống nhất chia tài sản như sau: Chị N quản lý và sở hữu 05 chỉ vàng 24K (năm chỉ vàng 24K), 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) và 6,5 chỉ vàng 18K (sáu chỉ năm phân vàng 18K); anh L quản lý và sở hữu 05 chỉ vàng 24K (năm chỉ vàng 24k). Anh L đang quản lý các tài sản này nên có trách nhiệm giao cho chị N 05 chỉ vàng 24K (năm chỉ vàng 24K), 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) và 6,5 chỉ vàng 18K (sáu chỉ năm phân vàng 18K).

6. Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp anh L không chịu thanh toán cho chị N khoản tiền cấp dưỡng nuôi con và khoản tiền chia tài sản (1.500.000 đồng) nói trên, thì hàng tháng, anh L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

7. Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải chịu 956.000 đồng án phí chia tài sản. Anh L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng và phải chịu 453.000 đồng án phí chia tài sản. Phần chị N nộp tạm ứng án phí 1.837.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005805 ngày 06/12/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành được khấu trừ và nhận lại 581.000 đồng (năm trăm tám mươi mốt ngàn đồng).

8. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS nd huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự huyện Thới Bình;
- Phòng KTNV&THA TA nd tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trọng Quế